

KẾT QUẢ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN CAO HỌC

Ngành: CÔNG NGHỆ SINH HỌC K32

Mã môn học: MSH125 Khóa: 32
 Thực tập cao học công nghệ sinh học 2 (Biểu hiện và tinh chế protein)
 Tên môn học: tái tổ hợp Số tiết: 45
 Ngày thi: 29/10/2023 Phòng thi: _____
 Giảng viên phụ trách môn học: TS. Nguyễn Hiếu Nghĩa
 Cán bộ coi thi: _____

(*) Điểm giữa kỳ và cuối kỳ chấm trên thang điểm 10

STT	Mã số học viên	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
							Giữa kỳ (30%)	Cuối kỳ (70%)	Điểm TB
1	22C67048	Đinh Hoàng Phương Uyên	2/10/2000	TP.HCM			9,7	8,0	8,5
2	22C67001	Nguyễn Thị Kim Chi	18/10/1998	TP.HCM			8,4	9,3	9,0
3	22C67004	Nguyễn Thanh Hiếu	21/11/1996	Đồng Nai			9,5	8,1	8,5
4	22C67005	Nguyễn Mạnh Hùng	14/01/1999	Ninh Bình			8,0	7,3	7,5
5	22C67008	Cao Xuân Minh	12/09/1995	Quảng Nam			9,4	7,4	8,0
6	22C67009	Nguyễn Hữu Nghĩa	17/08/1999	TP.HCM			8,5	7,8	8,0
7	22C67012	Lê Thùy Quyên	13/08/1991	Đồng Tháp			9,1	8,2	8,5
8	22C67013	Nguyễn Đoàn Nhật Quỳnh	18/02/1999	Quảng Nam			9,4	7,4	8,0
9	22C67015	Trần Lê Cẩm Tú	02/07/1997	TP.HCM					
10	22C67016	Nguyễn Trần Hạnh Vy	22/04/1997	TP.HCM			8,0	8,7	8,5
11	22C67018	Lê Thị Cẩm Bích	27/09/1998	Quảng Ngãi					
12	22C67019	Trần Quang Ngọc Dũng	15/01/1997	Cà Mau			7,7	7,4	7,5
13	22C67020	Hồ Hữu Duy	03/10/2000	Bình Dương			9,5	8,1	8,5
14	22C67022	Võ Thị Tài Hậu	02/10/1999	Đắk Lắk			8,4	7,8	8,0
15	22C67023	Trần Thị Hiếu	26/03/1999	TP.HCM			9,7	8,7	9,0
16	22C67024	Hoàng Trung Hiếu	09/01/1996	Cà Mau			9,4	8,1	8,5
17	22C67025	Nguyễn Phi Hùng	23/12/1997	Long An			8,3	7,9	8,0
18	22C67026	Lê Mỹ Linh	6/18/2000	Vĩnh Long			7,9	8,8	8,5
19	22C67028	Hồ Linh Kiều Nhi	20/11/1999	Đồng Nai			9,7	8,0	8,5
20	22C67029	Nguyễn Thị Huỳnh Như	15/02/1997	Bến Tre			9,7	7,4	8,0
21	22C67030	Nguyễn Hồng Phúc	23/07/1996	Long An			9,5	8,1	8,5
22	22C67031	Đỗ Thị Phượng	23/12/1989	Long An			8,3	7,9	8,0
23	22C67035	Nguyễn Thị Minh Thư	17/12/1999	Nha Trang			9,6	8,0	8,5
24	22C67037	Lý Lan Trinh	27/08/1999	Tây Ninh			9,4	7,4	8,0

STT	Mã số học viên	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
							Giữa kỳ (30%)	Cuối kỳ (70%)	Điểm TB
25	22C67038	Nguyễn Thị Phương Uyên	14/03/1999	BR-VT			9,4	8,1	8,5
26	22C67039	Đặng Anh Việt	04/06/1997	Cần Thơ			8,6	9,2	9,0
27	22C67043	Phạm Thị Phương Liên	23/02/2001	Bình Định			9,7	8,7	9,0
28	22C67044	Nguyễn Lưu Thảo Uyên	11/7/2000	An Giang			9,6	7,3	8,0
29	22C67045	Đỗ Lan Nhật	20/07/2001	TP.HCM			9,5	8,1	8,5
30	22C67046	Nguyễn Bá Nhiệt	8/4/2000	Hà Nội			8,4	7,8	8,0
31	22C67047	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/01/2001	Đắk Lắk			9,6	8,0	8,5

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 4. tháng 12 năm 2023
Cán bộ chấm thi

Nguyễn Hữu Nghĩa